

Số: /QĐ-SGDĐT

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác
Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục; Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về ban hành chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở giáo dục và đào tạo thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phòng văn hóa - xã hội thuộc ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Học sinh, sinh viên - Khoa học công nghệ và thông tin.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT;
- UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, HSSV-KHCN TT (Cương).

GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Hưng

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày /8/2025
của Sở Giáo dục và Đào tạo Tuyên Quang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi Quy chế quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác Hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là Hệ thống CSDL).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

b) UBND các phường, xã.

c) Cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; các cơ sở giáo dục thường xuyên (gọi chung là cơ sở giáo dục).

d) Các hệ thống phần mềm kết nối đồng bộ dữ liệu với Hệ thống CSDL thông qua API do Sở GDĐT cung cấp.

e) Các hệ thống, dịch vụ AI truy xuất dữ liệu từ Hệ thống CSDL.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống CSDL là tập hợp dữ liệu số hóa thông tin quản lý về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và các thông tin liên quan được xây dựng, cập nhật, duy trì phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật. CSDL gồm các dữ liệu thành phần: dữ liệu về trường học; dữ liệu về lớp học; dữ liệu về đội ngũ; dữ liệu về học sinh; dữ liệu về cơ sở vật chất trường học và các dữ liệu thành phần khác do Sở GDĐT quy định.

2. Các đặc tính của CSDL bao gồm:

a) Tính thống nhất: Thống nhất phong chữ, quy cách, chuẩn hoá thông tin khi nhập dữ liệu (thông qua các văn bản hướng dẫn của Sở GDĐT).

b) Tính đầy đủ: Cập nhật đầy đủ thông tin các trường dữ liệu đối với từng đối tượng theo yêu cầu quản lý của ngành.

c) Tính chính xác: Cập nhật thông tin đúng nội dung thực tế đối với từng đối tượng theo phân cấp quản lý.

d) Tính kịp thời: Thường xuyên rà soát, cập nhật các thông tin các đối tượng ngay khi có sự thay đổi.

3. Hệ thống CSDL gồm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm quản lý và CSDL do Sở GDĐT xây dựng, quản lý, sử dụng, vận hành đồng bộ, thống nhất trong toàn ngành GDĐT tỉnh Tuyên Quang. Hệ thống có các chức năng cơ bản phục vụ công tác báo cáo, thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu và cung cấp thông tin về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên phục vụ công tác quản lý nhà nước về GDĐT.

4. Hệ thống CSDL được vận hành và hoạt động trên môi trường internet tại địa chỉ truy cập <https://csdl.tuyenquang.edu.vn> và cung cấp các thông tin như sau:

a) Thông tin về giáo dục mầm non, bao gồm: Thông tin mạng lưới cơ sở giáo dục, thông tin về nhóm/lớp, thông tin đội ngũ, thông tin trẻ em (hồ sơ, theo dõi chuyên cần, theo dõi sức khỏe...), thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục, thông tin tài chính và các thông tin khác theo quy định của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

b) Thông tin về giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, bao gồm: Thông tin mạng lưới cơ sở giáo dục, thông tin hệ thống lớp học, thông tin đội ngũ, thông tin người học (hồ sơ, theo dõi chuyên cần, theo dõi học tập, kết quả học tập và rèn luyện...), thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục, thông tin tài chính và các thông tin khác theo quy định của Bộ GDĐT.

c) Báo cáo dữ liệu giáo dục vào Hệ thống CSDL giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là Báo cáo CSDL) là việc nhập dữ liệu dưới dạng số hóa theo định dạng thống nhất được cung cấp trên Hệ thống CSDL.

d) Mã định danh cho một đối tượng được quản lý trên Hệ thống CSDL là một chuỗi ký tự (duy nhất) dùng để định danh cho đối tượng đó trên CSDL. Mã định danh này do Bộ GDĐT quy định và khác với Số định danh cá nhân (do Bộ Công an cấp).

5. Tài khoản trên Hệ thống CSDL gồm hai thông tin chính là tên đăng nhập và mật khẩu được cơ quan có thẩm quyền cấp cho đơn vị, cá nhân thuộc các đơn vị giáo dục để quản lý, khai thác sử dụng thông tin từ Hệ thống CSDL.

Có hai loại tài khoản là: Tài khoản quản trị dùng để quản trị Hệ thống CSDL theo thẩm quyền của cơ quan, đơn vị và tài khoản khai thác để truy cập, sử dụng Hệ thống CSDL tương ứng với chức năng, nhiệm vụ được quy định. Mỗi đơn vị thuộc đối tượng sử dụng Hệ thống CSDL được cấp một tài khoản quản trị và có thể tạo các tài khoản khai thác khác nhau theo yêu cầu hoạt động của đơn vị.

6. Giao diện lập trình ứng dụng (Application Programming Interface – API): Là tập hợp các phương thức kết nối được thiết kế để cho phép hệ thống phần mềm bên ngoài truy cập, khai thác hoặc cập nhật dữ liệu từ Hệ thống CSDL

giáo dục và đào tạo tỉnh Tuyên Quang theo cơ chế phân quyền được quy định. Đảm bảo tuân thủ quy định bảo mật, xác thực và định dạng dữ liệu.

7. Thỏa thuận mức dịch vụ (Service Level Agreement – SLA): Là các chỉ số đo lường cụ thể, mức chất lượng dịch vụ mà nhà cung cấp phải duy trì và trách nhiệm, chế tài khi không đạt cam kết.

8. Mô hình vận hành có sự kiểm soát của con người (Human-in-the-loop – HITL): Là mô hình vận hành trong đó kết quả do hệ thống tự động/AI tạo ra phải được con người kiểm tra, phê duyệt hoặc điều chỉnh trước khi được áp dụng, nhằm bảo đảm độ tin cậy và trách nhiệm.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống CSDL

Việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống CSDL được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm tính thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời trong toàn ngành, thuận tiện trong khai thác, sử dụng, phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực GDĐT được quy định tại Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 02/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở GDĐT tỉnh Tuyên Quang.

2. Đảm bảo kết nối, chia sẻ thông tin

a) Hệ thống CSDL đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt, liên tục giữa các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh với Sở GDĐT, giữa Sở GDĐT với các hệ thống CSDL của tỉnh và CSDL ngành Giáo dục của Bộ GDĐT.

b) Hệ thống CSDL đảm bảo các điều kiện về an ninh, an toàn để kết nối, chia sẻ thông tin với các Hệ thống CSDL của tỉnh, CSDL giáo dục và đào tạo do Bộ GDĐT quản lý và CSDL chuyên ngành khác khi có yêu cầu.

c) Các đơn vị, cá nhân truy cập, sử dụng Hệ thống CSDL trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm đảm bảo tính chính xác, an ninh, toàn vẹn dữ liệu theo phân cấp quản lý. Nghiêm cấm các hành vi cung cấp, sửa đổi, khai thác sử dụng dữ liệu trên Hệ thống CSDL nhằm mục đích trục lợi, vi phạm pháp luật.

d) Hệ thống CSDL ngành Giáo dục tỉnh Tuyên Quang là đầu mối duy nhất kết nối và đồng bộ dữ liệu với CSDL của Bộ GDĐT. Các phần mềm quản lý giáo dục tại các cơ sở trên địa bàn tỉnh không gửi/nộp dữ liệu trực tiếp về Bộ GDĐT; mọi trao đổi dữ liệu phải thực hiện thông qua Hệ thống CSDL ngành Giáo dục tỉnh Tuyên Quang để bảo đảm thống nhất, tránh phân tán dữ liệu và kiểm soát chặt chẽ. Trường hợp khác thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Kinh phí bảo đảm cho việc quản lý, vận hành Hệ thống CSDL

1. Kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì, mở rộng và nâng cấp Hệ thống CSDL ngành Giáo dục tỉnh Tuyên Quang được bảo đảm từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Kinh phí tổ chức triển khai cơ sở dữ liệu của đơn vị, cơ sở giáo dục do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU

Điều 5. Tài khoản quản trị và tài khoản khai thác Hệ thống CSDL

1. Tài khoản quản trị Hệ thống CSDL của đơn vị do Thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý (hoặc bàn giao bằng văn bản cho đơn vị, cá nhân phụ trách theo phân công chức năng, nhiệm vụ).

2. Sở GDĐT cấp tài khoản quản trị cho các cơ sở giáo dục trực thuộc và tài khoản khai thác đối với các xã, phường, phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở theo phân cấp chức năng, nhiệm vụ.

3. Các xã, phường cấp tài khoản khai thác đối với các công chức, viên chức thuộc đơn vị theo phân công chức năng, nhiệm vụ.

4. Các cơ sở giáo dục cấp tài khoản khai thác đối với viên chức quản lý, viên chức giáo viên thuộc đơn vị tương ứng với chức năng, nhiệm vụ được phân công.

5. Trường hợp tài khoản của đơn vị, cá nhân được cấp bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc phát hiện có người sử dụng trái phép tài khoản đó phải thông báo kịp thời cho lãnh đạo đơn vị theo phân cấp quản lý để kịp thời xử lý.

Điều 6. Quản lý, vận hành Hệ thống CSDL

1. Sở GDĐT chịu trách nhiệm quản lý, quản trị, vận hành kỹ thuật đối với Hệ thống CSDL.

2. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở GDĐT chịu trách nhiệm quản lý dữ liệu thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách của đơn vị theo chức năng và nhiệm vụ được quy định; bằng các biện pháp quản lý nhà nước đảm bảo dữ liệu thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời trên Hệ thống CSDL.

3. Các cơ sở giáo dục: Triển khai Hệ thống CSDL tại đơn vị, chịu trách nhiệm về tính thống nhất, chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu toàn đơn vị.

4. Các cơ sở giáo dục ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng, khai thác thông tin trên Hệ thống CSDL, trong đó có phân chia rõ thẩm quyền truy cập, trách nhiệm của các cá nhân, tập thể có liên quan.

Điều 7. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật Hệ thống CSDL

1. Sở GDĐT phối hợp với Đơn vị vận hành cung cấp tài liệu điện tử hướng dẫn sử dụng tại địa chỉ <https://csdl.tuyenquang.edu.vn> và hỗ trợ kỹ thuật các kênh hỗ trợ trực tuyến khác (được đăng trên trang chủ CSDL hoặc thông báo bằng văn bản riêng).

2. Tài liệu kỹ thuật tích hợp Hệ thống CSDL qua API

Sở GDĐT cung cấp các tài liệu kỹ thuật tích hợp Hệ thống CSDL thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API) cho các đơn vị, tổ chức có nhu cầu kết nối, tích hợp hệ thống theo phạm vi được phân quyền và theo các quy định của pháp luật liên quan. Mọi hoạt động kết nối, khai thác thông tin từ API đều được ghi nhật ký và chịu sự kiểm soát của đơn vị vận hành Hệ thống CSDL. Tài liệu kỹ thuật được gửi đăng tải tại địa chỉ <https://csdl.tuyenquang.edu.vn> và cập nhật khi có thay đổi.

3. Trong quá trình sử dụng, nếu phát hiện sự cố kỹ thuật liên quan đến Hệ thống CSDL, cần báo cáo về Sở GDĐT để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 8. An toàn thông tin

1. Hệ thống CSDL được bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn thông tin hệ thống thông tin theo cấp độ; tuân thủ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ Bảo vệ dữ liệu cá nhân và phù hợp các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm cao nhất về an ninh, toàn vẹn CSDL, đồng thời đảm bảo tính thống nhất, chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu theo phân cấp quản lý.

3. Đơn vị, cá nhân được cấp tài khoản truy cập Hệ thống CSDL chịu trách nhiệm quản lý, tự quản lý tài khoản và thực hiện các biện pháp bảo mật phù hợp, không lưu trữ công khai tài khoản, mật khẩu; không chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba khi chưa được cho phép bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, đảm bảo về an ninh thông tin đối với dữ liệu được tiếp cận và quản lý; chỉ sử dụng Hệ thống CSDL phục vụ việc thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định; hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để phát sinh các vấn đề ảnh hưởng tới an ninh dữ liệu của hệ thống. Kịp thời báo cáo cho lãnh đạo đơn vị các lỗi phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống CSDL.

4. Các tổ chức, cá nhân kết nối, đồng bộ và khai thác Hệ thống CSDL thông qua API phải tuân thủ đầy đủ các quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan đến an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng.

5. Việc xác thực điện tử, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (không áp dụng với cơ sở giáo dục ngoài công lập) trong quá trình truy cập, cập nhật và ký duyệt dữ liệu trên Hệ thống CSDL phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 9. Báo cáo dữ liệu trên Hệ thống CSDL

Dữ liệu của đơn vị trên Hệ thống CSDL được công nhận là báo cáo của đơn vị trong công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo.

1. Báo cáo định kỳ: Nội dung, kỳ báo cáo, thời hạn báo cáo dữ liệu trên Hệ thống CSDL là 03 kỳ báo cáo/năm học:

- a) Kỳ báo cáo đầu năm học: Thời hạn chậm nhất là ngày 30/9 hằng năm.
- b) Kỳ báo cáo đầu học kỳ 2: Thời hạn chậm nhất là 15/01 hằng năm.
- c) Kỳ báo cáo cuối năm học: Thời hạn chậm nhất là ngày 15/6 hằng năm.

2. Báo cáo không định kỳ: Những biến động thông tin người học, giáo viên và nhà trường phải được cơ sở cập nhật kịp thời, chậm nhất 24h sau biến động để cấp quản lý nắm bắt kịp thời khi cần thiết.

Điều 10. Sử dụng thông tin trong CSDL

- 1. Thông tin trong CSDL được sử dụng thống nhất, được công nhận trong quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.
- 2. Việc báo cáo, sử dụng thông tin trong CSDL được thực hiện thông qua tài khoản được cấp từ Hệ thống CSDL.
- 3. Việc sử dụng thông tin trong CSDL phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.
- 4. Sở GDĐT, UBND xã/phường và các cơ sở giáo dục được quyền truy cập, sử dụng, khai thác dữ liệu Hệ thống CSDL theo phạm vi phân cấp quản lý; thực hiện tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong phạm vi quản lý.
- 5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này, nếu có nhu cầu sử dụng thông tin từ CSDL có thể đề nghị bằng văn bản với Sở GDĐT để cấp cung cấp sử dụng theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở GDĐT, UBND phường, xã

- 1. Cơ quan chủ quản
 - a) Sở GDĐT là cơ quan chủ quản của Hệ thống CSDL.
 - b) Sở GDĐT và UBND phường, xã có trách nhiệm chỉ đạo triển khai Hệ thống CSDL trong phạm vi quản lý; ban hành văn bản giao nhiệm vụ cho phòng/ban được phân công làm đầu mối quản trị phần mềm, hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng, quản lý và cấp tài khoản cho các đơn vị trực thuộc theo phân cấp quản lý.
- 2. Chỉ đạo, giám sát triển khai

Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc trong việc triển khai Hệ thống CSDL theo quy định tại Quy chế này.
- 3. Phân công quản lý dữ liệu
 - a) Chỉ đạo và phân công các phòng/bộ phận chuyên môn phụ trách quản lý, kiểm duyệt, khai thác và sử dụng dữ liệu.
 - b) Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống CSDL khi có yêu cầu.

4. Nghiên cứu, đề xuất, cải tiến

a) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc từ các đơn vị, cá nhân trong quá trình khai thác Hệ thống CSDL để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc nâng cấp các chức năng.

b) Đề xuất giải pháp đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, an toàn – an ninh thông tin; đồng thời mở rộng kênh thu thập dữ liệu và nâng cấp, phát triển Hệ thống CSDL đáp ứng yêu cầu quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Thành lập hoặc giao nhiệm vụ cho Tổ chuyên đổi số (hoặc tương tự) triển khai Hệ thống CSDL theo quy định tại Quy chế này tại đơn vị.

2. Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về hồ sơ trường, lớp, nhân sự, học sinh và các thông tin khác theo yêu cầu của Sở GDĐT.

3. Cập nhật đầy đủ thông tin chuyên cần, kết quả học tập và rèn luyện của học sinh hằng ngày trên Hệ thống CSDL.

4. Tạo lập báo cáo và gửi báo cáo theo quy định và chỉ đạo của Sở GDĐT.

5. Nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo khác của Sở GDĐT và phường/xã theo phân cấp quản lý về việc triển khai Hệ thống CSDL.

Điều 13. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân kết nối và khai thác Hệ thống CSDL thông qua API

1. Được Sở GDĐT thẩm định nội dung trước khi cấp khóa truy cập và có đầy đủ cam kết thực hiện SLA và HITL; chỉ khai thác các dữ liệu được quy định tại tài liệu API do Sở GDĐT cung cấp và không khai thác dữ liệu cá nhân trái pháp luật; sử dụng hệ thống API đúng mục đích, đúng phạm vi phân quyền; không chia sẻ thông tin kỹ thuật, khóa truy cập API cho bên thứ ba nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Sở GDĐT.

2. Đảm bảo an toàn hệ thống kết nối theo Điều 8 và chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu để xảy ra rò rỉ dữ liệu, mất an toàn thông tin hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của Hệ thống CSDL.

3. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị vận hành trong công tác giám sát, xử lý sự cố kỹ thuật và cập nhật các yêu cầu kỹ thuật khi cần thiết.

4. Sở GDĐT hoặc Hệ thống có quyền từ chối truy cập, tạm ngắt kết nối, ngắt kết nối tự động mà không cần báo trước, khi phát hiện IP lạ, sai định dạng, vượt ngưỡng gọi API, hoặc quá 90 ngày không sử dụng.

5. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, cố tình tấn công hệ thống hoặc gây ảnh hưởng đến an toàn, toàn vẹn dữ liệu tài khoản sẽ bị tạm ngừng hoặc khóa vĩnh viễn, đồng thời xem xét đề xuất xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 14. Kết nối, tích hợp ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)

1. Điều kiện kết nối: Là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục, quản lý công chức, viên chức hoặc cơ quan thẩm quyền khác được quy định theo

pháp luật; Hồ sơ nêu rõ mục đích, kiến trúc kỹ thuật, biện pháp bảo mật, cam kết tuân thủ pháp luật.

2. Nguyên tắc sử dụng

a) Kết nối HTTPS/TLS, token; ghi nhật ký truy cập tối thiểu 12 tháng.

b) Bảo đảm cơ chế HITL để kiểm soát, sửa hoặc dừng kết quả AI.

3. Nghĩa vụ báo cáo: Báo cáo định kỳ 6 tháng và trong 24 giờ khi xảy ra rò rỉ dữ liệu hoặc sự cố an ninh.

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng, triển khai, vận hành, khai thác hiệu quả Hệ thống CSDL được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong Quy chế này, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Hệ thống CSDL, làm rò rỉ thông tin, sai lệch dữ liệu, hoặc xâm phạm quyền riêng tư của cá nhân, sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật về kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Chế tài xử lý sai sót dữ liệu

a) Trường hợp nhập thiếu, nhập sai hoặc báo cáo dữ liệu chậm tiến độ, thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Sở Giáo dục và Đào tạo, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo giải trình nội dung liên quan.

b) Trường hợp sai sót lặp lại nhiều lần, ảnh hưởng đến độ tin cậy của Hệ thống CSDL, đơn vị và cá nhân phụ trách bị xem xét hạ mức đánh giá, xếp loại thi đua cuối năm hoặc bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

c) Trường hợp cố ý làm sai lệch, che giấu, giả mạo dữ liệu hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, người vi phạm bị xử lý trách nhiệm hành chính hoặc hình sự theo quy định pháp luật, đồng thời phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.
